

Bản án số: 11/2023/DS-PT

Ngày: 10-01-2023

“V/v tranh chấp hụi”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Cảnh

Ông Trần Trọng Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 508/2022/TLPT-DS ngày 23 tháng 11 năm 2022, về “tranh chấp hụi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 508/2022/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc O, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 528/8, ấp Thanh T, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Bà Võ Thụy Kim T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 703/8, ấp Thanh T, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Quý P, sinh năm 1985 (vắng mặt - có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 703/8, ấp Thanh T, xã Thanh Phú L, huyện Châu T, tỉnh Long An.

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Quý P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06/7/2022, trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị Ngọc O là nguyên đơn trình bày:

Bà Võ Thụy Kim T làm chủ hội, bà có tham gia chơi một dây hội, mở ngày 05/4/2021, loại hội 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), chủ hội hưởng hoa hồng là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng), loại hội một tháng khui một lần, gồm 17 chân, bà tham gia một chân, bà đóng hội sống 14 lần với số tiền là 108.025.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Ngày 16/6/2022, bà Võ Thụy Kim T và ông Trần Quý P tuyên bố vỡ hội, chưa trả tiền cho bà. Bà T xác định số nợ là 102.200.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu hai trăm nghìn đồng). Bà cũng đồng ý số tiền này. Bà yêu cầu bà T và ông Trần Quý P trả tiền gốc với số tiền 102.200.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu hai trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Hạn cuối trả toàn bộ số tiền là 01 (một) tháng, kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2022.

Bị đơn bà Võ Thụy Kim T trình bày:

Bà làm chủ hội, bà O có tham gia chơi một dây hội, mở ngày 05/4/2021, loại hội 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), hưởng hoa hồng là 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng), loại hội một tháng khui một lần, gồm 17 chân, bà O đóng hội sống 14 lần với số tiền là 102.200.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu hai trăm nghìn đồng). Ngày 16/6/2022, bà tuyên bố vỡ hội, chưa trả tiền cho bà O. Do đó, bà chỉ đồng ý một mình bà trả tiền gốc cho bà O với số tiền 102.200.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu hai trăm nghìn đồng). Hạn cuối trả toàn bộ số tiền là 03 (ba) tháng, kể từ ngày 27 tháng 9 năm 2022.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P xác định tại bản trình bày ý kiến ngày 17/9/2022 như sau:

Bà T chơi hội không nhằm mục đích phục vụ thiết yếu chung cho gia đình. Đây là việc cá nhân của bà T, bà T phải chịu trách nhiệm cá nhân trả nợ cho bà Lê Thị Ngọc O. Thời gian bà T làm chủ hội, ông không biết, khi bề hội mọi người tìm đến nhà thì ông mới biết bà T làm chủ hội. Thực tế, ông làm thợ bạc tự do và gia công cho nhiều nơi nên đi đi về về, tài sản của ông và bà T là do gia đình ông tặng. Ông không có ký bất kỳ chữ ký nào vào giấy nhận hội hoặc trong sổ hội viên. Vì vậy, bà T phải chịu trách nhiệm với bà O. Ông không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới như bà O yêu cầu.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T đã căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ

luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 15 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính Phủ về hội, họ, biểu, phường; điểm a khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc O về tranh chấp tiền nợ hội với bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P.

Buộc bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ngọc O số tiền là 102.200.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà O đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 2.700.625 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai số 0008013 ngày 05 tháng 8 năm 2022 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T được nhận lại.

Bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 5.110.000 đồng (năm triệu một trăm mười nghìn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật,

Ngày 11/10/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Võ Thụy Kim T trình bày: Bà còn nợ bà Lê Thị Ngọc O tiền hội số tiền là 102.200.000 đồng. Cá nhân bà T chơi hội, việc làm thảo hội được diễn ra tại nhà của vợ chồng bà. Ông P là chồng của bà có nhận tiền hội của bà O thay bà nhưng ông P không sử dụng khoản tiền này nên đề nghị không buộc ông P liên đới trả nợ. Bà hứa khi nào bán được nhà thì sẽ trả toàn bộ nợ.

Bà Lê Thị Ngọc O trình bày: Ông P biết bà T làm thảo hội, việc khu hội diễn ra tại nhà của bà T, ông P, khi bà T vắng nhà thì ông P là người nhận tiền hội nên không đồng ý với kháng cáo của ông P.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của đương sự trong thời hạn luật định đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Bà Võ Thụy Kim T xác định còn nợ tiền hội bà Lê Thị Ngọc O số tiền là 102.200.000 đồng. Bà T, ông P là vợ chồng, nợ phát sinh trong thời kỳ

hôn nhân, việc chơi hụi diễn ra tại nhà ông P, bà T thời gian dài, ông P có thu tiền hụi của hụi viên và ông P thu tiền do người khác nộp thay cho bà O nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà T và ông P cùng liên đới trả nợ là có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông P, giữ nguyên bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P được làm đúng theo quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn Lê Thị Ngọc O, bị đơn bà Võ Thụy Kim T có mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P vắng mặt có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về phạm vi xét xử phúc thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc O và bà Võ Thụy Kim T trình bày thống nhất bà T có nợ bà O 102.200.000 đồng tiền vốn hụi. Bà O yêu cầu vợ chồng bà T và ông P có nghĩa vụ liên đới trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà O. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông Trần Quý P kháng cáo không đồng ý liên đới trả nợ. Các đương sự còn lại không kháng cáo. Viện kiểm sát không kháng nghị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án, không cung cấp chứng cứ mới. Căn cứ Điều 293 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử trong phạm vi yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[4] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quý P về trách nhiệm liên đới trả nợ, thấy rằng:

Bà Lê Thị Ngọc O có tham gia hụi do bà Võ Thụy Kim T làm thảo. Hiện bà T còn nợ 102.200.000 đồng tiền vốn hụi. Việc các bên tham gia chơi hụi trong thời gian dài tại nhà của ông P, bà T và được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông P đang tồn tại. Ông P có thu tiền hụi thông qua hụi viên đóng hụi cho bà T và cũng đã biết việc bà O, bà T có tham gia chơi hụi với nhau. Nay ông P, bà T cho rằng ông P không sử dụng tiền hụi để không liên đới trả nợ là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông P có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà O là đúng quy định của pháp luật. Ông P kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ làm thay đổi nội dung vụ án nên không được chấp nhận. Chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Quý P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[6] Các khoản khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quý P.

Giữ nguyên quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 97/2022/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Châu T.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các 288, Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 15 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP của Chính Phủ về hui, họ, biêu, phường; điểm a khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Ngọc O về việc buộc bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P trả tiền hui.

Buộc bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Ngọc O số tiền là 102.200.000 đồng (một trăm lẻ hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì phải trả lãi phát sinh trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, tại thời điểm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Ngọc O không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho bà O tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền là 2.700.625 đồng (hai triệu bảy trăm nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng) theo biên lai số 0008013 ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu T.

Bà Võ Thụy Kim T, ông Trần Quý P phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 5.110.000 đồng (năm triệu một trăm mười nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Quý P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm; khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số **0008128** ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu T, tỉnh Long An.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi

hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại tp.HCM
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Châu T;
- Chi cục THADS huyện Châu T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Hồng Vân

Các Thẩm Phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Hồng Vân

